

Bản án số: 73/2024/HS-ST
Ngày: 14 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn

Bà Bùi Thị Thu

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phượng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Trần Thị Thu H** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03-4-1993, tại Nam Định; Giới tính: Nữ; Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ dân phố số A, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định**; Nơi thường trú: **Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1969, con bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1973 (đã chết). Gia đình có 02 chị em. Bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có chồng là **Vũ Đức D**, sinh năm 1991. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04-01-2024.

2. **Nguyễn Văn H2** (tên gọi khác: Không), Sinh ngày 25-3-1999, tại Nam Định; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: **thôn T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1971, con bà

Nguyễn Thị V, sinh năm 1979 (đã chết). Gia đình có 03 anh em. Bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo có vợ là Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1999. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21-3-2024, đến ngày 30-3-2024 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.

- Người bào chữa của bị cáo Trần Thị Thu H: Luật sư Nguyễn Thị Thanh T1 – Văn phòng L2 – Đoàn luật sư tỉnh N;

- Bị hại: 1. Anh Lại Thế H3, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969; Nơi thường trú: Xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

3. Ông Trần Kỳ N, sinh năm 1975; Nơi thường trú: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

4. Anh Vũ Văn H4, sinh năm 2003; Nơi thường trú: Xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

5. Anh Hoàng Thanh B, sinh năm 1993; Nơi thường trú: Xã A, huyện H, thành phố Hà Nội;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị L, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Tổ dân phố số B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định;

2. Anh Vũ Hoàng N1, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

3. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1989; Nơi thường trú: Tổ dân phố số D, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định;

4. Chị Phan Thị Thanh T2, sinh năm 1986; Nơi thường trú: Ô, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định;

5. Anh Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

6. Anh Vũ Hoàng A, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

7. Anh Đỗ Văn T3, sinh năm 1980; Nơi thường trú: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

Tại phiên toà có mặt bị cáo Trần Thị Thu H, bị cáo Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn P, anh Vũ Văn H4, anh Vũ Văn H4, anh Nguyễn Văn Đ2. Vắng mặt anh Lại Văn H5, chị Trần Thị L, anh Vũ Hoàng N1, chị Nguyễn Thị L1, chị Phan Thị Thanh T2, anh Vũ Hoàng A, anh Đỗ Văn T3, ông Trần Kỳ N, anh

Hoàng Thanh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu hỏi mua đất giúp người nhà, qua tìm hiểu Trần Thị Thu H biết được chị Trần Thị L, ở tổ dân phố số B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định đang muốn bán thửa đất số 420, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại tổ dân phố N, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định với diện tích 135m², trong đó gồm: 50m² đất ở, 42m² đất trồng cây lâu năm và 43m² đất nuôi trồng thủy hải sản. Qua trao đổi, chị L có gửi ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mảnh đất trên và báo giá cho H (hình ảnh thể hiện trang 2, trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thông tin thửa đất, diện tích và địa chỉ). H không mua với lý do giá cao. Đến khoảng tháng 4 năm 2023, do làm ăn thua lỗ, nợ tiền của nhiều người nên H nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất của chị L đứng tên mình để bán cho người khác nhằm mục đích chiếm tài sản. Thông qua mạng xã hội Facebook, H tìm được một tài khoản Facebook nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (H không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể, không nhớ tên tài khoản Facebook của người này). H đã nhắn tin đặt vấn đề làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được người này báo giá 10 triệu đồng với thời gian khoảng 3 đến 5 ngày. H đồng ý rồi gửi ảnh (ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà trước đó chị L đã gửi cho H), ảnh căn cước công dân mang tên H và yêu cầu làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên H. Khoảng 03 ngày sau, người này thông báo đã làm xong và gửi cho H 01 video quay lại hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. H nhận thấy người đó đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đúng theo yêu cầu nên đã chuyển 10 triệu đồng vào cho tài khoản ngân hàng mà người này cung cấp (H không nhớ số tài khoản). Chiều tối cùng ngày H nhận được một phong bì dán kín, bên trong có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD311325 tên chủ sở hữu là H với các thông số trang 2, trang 3 giống với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị L đã chụp gửi cho H) do người này gửi về qua xe khách.

Khoảng tháng 5 năm 2023, H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến gặp anh Vũ Hoàng N1, ở xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đặt vấn đề bán thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 600 triệu đồng. H cho anh N1 xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên thì anh N1 bảo để lại rồi sẽ thông báo sau. Anh N1 đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên đến gặp anh Nguyễn Văn N2 - cán bộ địa chính UBND thị trấn C hỏi thì phát hiện đây là giấy tờ giả nên anh N2 đã giữ lại.

Khi việc lừa bán thửa đất trên cho anh N1 không thành, H tiếp tục liên hệ với người đã làm sổ đỏ giả trước đó để đặt làm tiếp một giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất giả khác giống giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở trên với giá 10 triệu đồng. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, ngày 28-5-2023, H liên hệ với anh Lại Thế H3, ở xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đặt vấn đề bán thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 500 triệu đồng. Ngày 29-5-2023, H dẫn anh H3 đến xem thửa đất ở tổ dân phố N, thị trấn C, huyện H thì anh H3 đồng ý mua và hai bên làm hợp đồng đặt cọc với số tiền 300 triệu đồng, khi nào làm thủ tục chuyển nhượng thì anh H3 trả số tiền còn lại là 200 triệu đồng cho H. Anh H3 đưa cho H số tiền 300 triệu đồng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do H đưa cho anh H3. Anh H3 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này đến gặp anh Nguyễn Văn N2 - cán bộ địa chính UBND thị trấn C hỏi thì phát hiện đây là giấy tờ giả nên anh N2 đã giữ lại giấy tờ giả này. Anh H3 thông báo cho H về việc nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì H xin được trả lại tiền cọc, anh H3 đồng ý. Ngày 31-5-2023, H đã trả cho anh H3 số tiền 300 triệu đồng và lấy lại hợp đồng đặt cọc mang đi tiêu hủy. Anh Nguyễn Văn N2 - cán bộ địa chính UBND thị trấn C đã giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ở trên.

Căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Trần Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Sau đó, chuyển vụ án cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền.

Ngoài những hành vi phạm tội trên, quá điều tra xác định: để có tiền đầu tư tiền ảo, Trần Thị Thu H nảy sinh mục đích thuê xe ô tô tự lái và đặt mua giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả sau đó bán, cầm cố xe ô tô. Thông qua mạng xã hội, H tìm được người có tài khoản T4 là “Nguyễn C” (đây là tài khoản của Nguyễn Văn H2, ở thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định đăng quảng cáo công khai trên mạng xã hội Facebook nhận làm giấy tờ giả). H thuê H2 làm giả chứng nhận đăng ký xe ô tô thì H2 nhận lời, hai bên thống nhất với nhau thời gian làm từ khoảng 02 đến 03 ngày, giá mỗi giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả là khoảng 2 triệu đồng. Sau khi H cung cấp thông tin, H2 gửi thông tin cho người có tài khoản Telegram là “MR THIÊN”, người này cũng đăng công khai trên mạng xã hội Facebook nhận làm giấy tờ giả (H2 không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người này) để làm chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho H. Sau khi có chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, H2 gửi ảnh cho H xem trước. H xác nhận rồi dùng tài khoản ngân hàng V1 số 042007023 mang tên H chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng M số 216199599999 mang tên Nguyễn Văn H2. Với mỗi chứng nhận đăng ký xe ô tô giả thì H2 trả cho “MR THIÊN” 450.000 đồng, H2 hưởng lợi số tiền còn lại. Sau khi có giấy chứng nhận xe ô tô giả, người có tài khoản Telegram là “MR THIÊN” sẽ gửi cho H2 về Hà Nội, H2 sẽ gửi cho H bằng xe khách từ Hà Nội về thị trấn Y, huyện H theo địa chỉ H cung cấp. H tự

đón xe khách để nhận những chứng nhận đăng ký xe ô tô giả này. Cụ thể các lần phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: ngày 08-12-2023, H liên hệ với cơ sở cho thuê xe Thành Đạt tại xã H, huyện H do anh Nguyễn Văn P, ở xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định làm chủ để thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent màu trắng BKS: 18A-360.35. Hai bên đã lập hợp đồng thuê xe với giá thuê xe là 15.000.000 đồng/tháng, đặt cọc 10.000.000 đồng, thời hạn thuê là 01 tháng. Anh P giao cho H bản photo công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 18A-360.35 cùng một số giấy tờ khác. H chụp thông tin đăng ký xe trên và ảnh căn cước công dân của H gửi cho Nguyễn Văn H2 để đặt H2 làm chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của chiếc xe trên mang tên H. H2 gửi chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (giấy chứng nhận đăng ký xe số 18001544 do Công an huyện H cấp ngày 04-7-2023, chủ xe đứng tên H, BKS 18A-360.35) cho H qua xe khách về thị trấn Y, huyện H. Sau khi có chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, H liên hệ với chị Nguyễn Thị L1, ở tổ dân phố số D, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định nói dối là xe của mình và muốn bán chiếc xe ô tô BKS: 18A-360.35, chị L1 đồng ý. Ngày 09-12-2023, H đã gặp chị L1 tại quán cà phê ở xã H, huyện H làm hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô trên với giá 200 triệu đồng. Chị L1 đã chuyển số tiền 200 triệu đồng vào tài khoản ngân hàng của H. H đã giao xe và chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho chị L1 sử dụng.

Vụ thứ hai: ngày 12-12-2023, H liên hệ với cơ sở cho thuê xe Nam Hồng tại xã H, huyện H do anh Trần Kỳ N, ở xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định làm chủ hỏi thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent màu trắng BKS: 18A-232.92. Do không có bằng lái xe hạng B2 nên ngày 15-12-2023, H nhờ Phan Thị Thanh T2, ở ô A, phường H, thành phố N có bằng lái xe hạng B2 đứng tên thuê xe tự lái của anh N. T2 đồng ý cùng H đến gặp anh N để lập hợp đồng thuê xe với giá thuê xe là 13.500.000 đồng/tháng, đặt cọc 10.000.000 đồng, thời hạn thuê là 01 tháng. H chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của anh N. Anh N đưa cho H bản photo công chứng đăng ký xe cùng các giấy tờ khác. Sau đó, H chụp ảnh, gửi thông tin đăng ký xe cho Nguyễn Văn H2 để đặt H2 làm chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. H2 gửi chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (giấy chứng nhận đăng ký xe số 18001053 do phòng C1 Công an tỉnh N cấp ngày 26-01-2021, chủ xe đứng tên H, BKS 18A-23292) cho H qua xe khách về thị trấn Y, huyện H. Sau khi có chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, H liên hệ với anh Nguyễn Văn Đ2, ở xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định để đặt vấn đề bán chiếc xe ô tô BKS: 18A-232.92. Ngày 15-12-2023, H đưa xe ô tô đến khu vực đường tránh, xã H, huyện H để anh Đ2 xem xe, anh Đ2 đồng ý mua với giá 250 triệu đồng. Anh Đ2 đã chuyển số tiền 250 triệu đồng vào tài khoản ngân hàng V1 số 042007023 mang tên Trần Thị Thu H. Sau đó, H giao xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả đứng tên H cho anh Đ2.

Vụ thứ ba: ngày 20-12-2023, H liên hệ với anh Vũ Minh H6, ở xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là người cho thuê xe ô tô tự lái để thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu MG5 màu đen BKS: 18A-360.70. Hai bên đã lập hợp đồng thuê xe với giá là 17.000.000 đồng/tháng, đặt cọc 15.000.000 đồng, thời hạn thuê là 01 tháng. Anh H6 giao cho H bản phô tô công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe cùng những giấy tờ xe khác. Hoài gửi thông tin đăng ký xe cho Nguyễn Văn H2 để đặt H2 làm chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của chiếc xe trên đứng tên H. H2 gửi chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (giấy chứng nhận đăng ký xe số 18001380 do Công an huyện H cấp ngày 06-6-2023 chủ xe đứng tên H, BKS 18A-360.70) cho H qua xe khách. Sau khi có chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, H liên hệ với anh Vũ Hoàng A, ở xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nói dối là xe của mình và muốn bán chiếc xe ô tô BKS: 18A-360.70 và hẹn gặp nhau tại quán cà phê ở xã H, huyện H để làm hợp đồng. Tại đây H và anh Hoàng A ký hợp đồng mua bán xe với giá 250 triệu đồng. Anh Hoàng A đã đưa cho H 250 triệu đồng tiền mặt, H giao xe ô tô BKS: 18A-360.70 và chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho anh Hoàng A.

Vụ thứ tư: Ngày 22-12-2023, H liên hệ với anh Hoàng Thanh B, ở xã A, huyện H, thành phố Hà Nội là người cho thuê xe ô tô tự lái để đặt vấn đề thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda màu trắng, BKS: 18A-267.87 của anh B. Khoảng 16 giờ ngày 23-12-2023, H và anh B gặp nhau ở quán nước ở đường tránh xã H, huyện H lập hợp đồng thuê xe với giá thuê xe là 20.000.000 đồng/tháng, đặt cọc 20.000.000 đồng, thời hạn thuê là 5 tháng. Anh B giao cho H bản photo công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe cùng các giấy tờ khác. Sau đó, H gửi thông tin đăng ký xe cho Nguyễn Văn H2 để đặt H2 làm chứng nhận đăng ký xe ô tô giả của chiếc xe trên mang tên H. H2 gửi chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho H qua xe khách, giấy chứng nhận đăng ký xe số 18020895 do phòng C1 Công an tỉnh N cấp ngày 03-12-2021, chủ xe đứng tên H, BKS 18A-267.87. Khoảng 14 giờ ngày 25-12-2023 sau khi nhận được chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, H điều khiển chiếc xe ô tô này đến cửa hàng của anh Đỗ Văn T3, ở xóm Q, xã H, huyện H đặt vấn đề cầm cố chiếc ô tô BKS: 18A-267.87 với giá 300 triệu đồng. Khi anh T3 đang làm hợp đồng cầm cố thì Công an huyện H kiểm tra hành chính, lập biên bản thu giữ, niêm phong giấy chứng nhận đăng ký xe giả và đưa H về trụ sở để làm việc.

Số tiền có được từ việc bán những xe ô tô trên, H đã sử dụng để đầu tư tiền ảo trên mạng xã hội bằng cách quét mã QR đăng trong nhóm đầu tư tiền ảo nhưng đã bị thua lỗ hết và chuyển cho Phan Thị Thanh T2 số tiền 30 triệu đồng. H không biết được chủ tài khoản đã nhận tiền của H là ai, không nhớ cụ thể tên trang mạng đó.

Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N đề nghị cung cấp thông tin về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311325 và thửa đất số 420, tờ bản đồ số 03 tại TDP số N, thị trấn C, huyện H,

tỉnh Nam Định. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N đã có công văn số 2621/STNMT-VPĐK ngày 13-7-2023 trả lời:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 311325 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 18-01-2022 cho bà Ninh Thị H7 cùng sử dụng đất với ông Vũ Đức D, Vũ Đức D1 đối với thửa đất số 217, tờ bản đồ số 02 tại TDP số 1, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định.

Thửa đất số 420, tờ bản đồ số 03 tại TDP số N, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 831114 ngày 12-4-2021 cho ông Nguyễn Văn H8 và bà Trần Thị L.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thông tin chủ sở hữu của 04 xe ô tô trên tại Phòng C1 Công an tỉnh N xác định:

Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent BKS: 18A-360.35 có chủ xe là Nguyễn Văn P, địa chỉ: xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Xe ô tô nhãn hiệu MG5 màu đen BKS: 18A-360.70 có chủ xe là Vũ Văn Q, địa chỉ: xóm G, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent BKS: 18A-232.92 có chủ xe là Trần Kỳ N, địa chỉ: thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Xe ô tô nhãn hiệu Mazda, BKS: 18A-267.87 có chủ xe là Hoàng Thanh B, địa chỉ: thôn Đ, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Ngày 31-7-2023 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết định trưng cầu phòng K Công an tỉnh N giám định tài liệu đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD311325 đứng tên Trần Thị Thu H do cán bộ địa chính thị trấn C, huyện H giao nộp cho cơ quan điều tra. Tại kết luận giám định số 1298/KL-KTHS ngày 06-9-2023 của phòng K Công an tỉnh N, kết luận:

Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG” trên mẫu cần giám định so với hình dấu có cùng nội dung trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký đứng tên Phạm Văn P1 trên mẫu cần giám định so với chữ ký đứng tên Phạm Văn p trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Ngày 27-12-2023 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H trưng cầu phòng K Công an tỉnh N giám định tài liệu đối với bốn chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Trần Thị Thu H do chị Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Văn Đ2, anh Vũ Hoàng A và anh Đỗ Thanh T5 giao nộp. Tại kết luận giám định số 209/KL-KTHS ngày 12-01-2024 của phòng K Công an tỉnh N kết luận: 04 chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên Trần Thị Thu H là giả.

Đồng thời ngày 03-6-2024 cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N trưng cầu phòng K Công an tỉnh N giám định tài liệu đối với 04 hợp đồng thuê xe ô tô; 01 biên bản bàn giao xe ô tô; 01 hợp đồng mua bán xe ô tô; 01 giấy bán xe. Tại kết luận giám định số 1038/KL-KTHS ngày 07-6-2024 của phòng K Công an tỉnh N kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị Thu H trên mẫu cần giám định so với chữ viết, chữ ký trên mẫu so sánh là do một người ký và viết ra.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H yêu cầu hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H định giá đối với bốn xe ô tô trên. Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 03-01-2024 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận:

Giá trị còn lại của xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent BKS: 18A-360.35 cũ, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá giá trên thị trường là: 400.000.000 đồng.

Giá trị còn lại của xe ô tô nhãn hiệu MG5 màu đen BKS: 18A-360.70 cũ, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá giá trên thị trường là: 410.000.000 đồng.

Giá trị còn lại của xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent BKS: 18A-232.92 cũ, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá giá trên thị trường là: 420.000.000 đồng.

Giá trị còn lại của xe ô tô nhãn hiệu Mazda, BKS: 18A-267.87 cũ, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá giá trên thị trường là: 560.000.000 đồng.

Tổng giá trị bốn xe ô tô là: 1.790.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị Thu H và Nguyễn Văn H2 đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Cáo trạng số 48/CT-VKS-P3 ngày 10-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Trần Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS; Nguyễn Văn H2 về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 BLHS.

* Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thu H khai nhận đã thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, bị cáo Nguyễn Văn H2 khai nhận đã thực hiện hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” đúng như nội dung vụ án đã nêu ở trên. Các bị cáo công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và thực sự ăn năn hối lỗi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng như cáo trạng số 48/CT-VKS-P3 ngày 10-7-2024. Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện,

nguyên nhân, điều kiện phạm tội, vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Trần Thị Thu H**, **Nguyễn Văn H2** phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, bị cáo **Trần Thị Thu H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt **Trần Thị Thu H** từ 15 năm đến 15 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 04 năm đến 04 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 19 năm đến 20 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt **Nguyễn Văn H2** từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21-3-2024.

Đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về án phí các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 BLTTHS để xử lý vật chứng của vụ án. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 BLHS cần buộc bị cáo **Trần Thị Thu H** phải có trách nhiệm bồi thường cho chị **Nguyễn Thị L1** số tiền 200.000.000 đồng, anh **Nguyễn Văn Đ2** số tiền 250.000.000 đồng, anh **Vũ Hoàng A** số tiền 250.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo **Trần Thị Thu H** là bà **Nguyễn Thị Thanh T1** trình bày: Việc truy tố bị cáo **Trần Thị Thu H** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 điều 174 BLHS là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, mới lần đầu phạm tội, nguyên nhân là do hoàn cảnh xô đẩy do kém hiểu biết đã đầu tư tiền ảo trên mạng xã hội dẫn đến nợ nần nhiều, túng quẫn làm liều nên đã có hành vi vi phạm pháp luật, sau khi làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị cáo đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, khi biết hành vi của mình đã bị bại lộ nên bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho anh **Lại Thế H3** số tiền 300.000.000đ, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng đang đi làm ăn xa đã lâu không liên lạc gì với bị cáo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, lại đang là lao động chính trong gia đình phải nuôi hai con còn rất nhỏ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

được hưởng mức án thấp nhất, tạo cho bị cáo một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị Thu H, Nguyễn Văn H2 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn H2 đều khai nhận không biết H sử dụng các giấy tờ giả như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô vào mục đích gì. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố bị cáo H2 về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” cùng với tội danh của bị cáo H là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải xác định lại tội danh của bị cáo H2 là tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS cho đúng với hành vi mà bị cáo H2 đã thực hiện, phù hợp với các quy định của pháp luật, tránh tình trạng xác định tội danh không đúng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo H2 hoặc gây ra nhầm lẫn, oan sai.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản vụ việc, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 4 năm 2023, do cần tiền để sử dụng việc cá nhân, Trần Thị Thu H đã thuê người quen qua mạng xã hội làm giả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Thị Thu H đối với thửa đất số 420, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại tổ dân phố N, thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định của chị Trần Thị L để gian dối bán thửa đất cho anh Vũ Hoàng N1 và anh Lại Thế H3. Do anh N1 chưa đồng ý mua, sau đó phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên đã ngừng giao dịch. Anh H3 đã thỏa thuận mua và giao cho H 300.000.000đ sau đó, phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H đưa là giả nên anh H3 không tiếp tục giao dịch mua đất và yêu cầu H trả lại số tiền 300.000.000đ. H đã trả lại cho anh H3 số tiền 300.000.000đ. Ngoài ra, khoảng tháng 12 năm 2023, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô bằng cách thuê 04 xe ô tô tổng giá trị 1.790.000.000đồng (một tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng) của các anh Nguyễn Thanh P2, Vũ Minh H6, Trần Kỳ N, Hoàng Thanh B

để mang đi bán hoặc cầm cố lấy tiền. Sau khi thuê xe ô tô, H đã đặt Nguyễn Văn H2 làm giả 04 chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên mình rồi sử dụng những chứng nhận đăng ký xe ô tô giả này để bán, cầm cố xe ô tô cho chị Nguyễn Thị L1, anh Vũ Hoàng A, anh Nguyễn Văn Đ2, anh Đỗ Văn T3 với tổng số tiền là 700.000.000 đồng sử dụng để đầu tư tiền ảo. Trong tháng 12 năm 2023, Trần Thị Thu H đã 04 lần thuê Nguyễn Văn H2 làm giả 04 chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên H. H2 đã thuê người có tài khoản Telegram tên “MR THIỆN” làm giả chứng nhận đăng ký xe ô tô với giá 450.000 đồng/bản. Sau khi có chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, H2 đã sử dụng bán lại cho H thu lợi bất chính tổng số tiền là 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Hành vi của Trần Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS; Hành vi của Nguyễn Văn H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố và luận tội đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của Trần Thị Thu H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Lại Thế H3, chị Nguyễn Thị L1, anh Vũ Hoàng A, anh Nguyễn Văn Đ2 nhằm lừa dối để anh H3, chị L1, anh Hoàng A, anh Đ2 tin tưởng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và làm hợp đồng mua bán xe ô tô; Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; Hành vi Trần Thị Thu H “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” hành vi của Nguyễn Văn H2 “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” không những xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần thiết phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy. Đây là vụ án đồng phạm, nhưng giản đơn, Trần Thị Thu H là người dùng các thủ đoạn gian dối liên hệ trực tiếp với những bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của họ, để thực hiện được hành vi lừa đảo của mình H đã trực tiếp liên hệ với H2 làm giả các loại giấy tờ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, H là người khởi xướng, chủ mưu, rủ rê lôi kéo bị cáo H2 thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nên H giữ vị trí số 1 trong vụ án. Nguyễn Văn H2 là người thực hành tích cực, trực tiếp liên hệ đặt làm giả cho H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất và 04 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho H, mặc dù biết rất rõ các loại giấy tờ này là giả nhưng vì mục đích lợi nhuận nên H2 vẫn cố ý liên hệ với các đối tượng làm giả các loại giấy tờ giả trên mạng xã hội, theo yêu cầu của H, trong vụ án này H2 chỉ tham gia với vai trò thực hành giúp sức làm theo yêu cầu, chỉ đạo, điều hành của H nên giữ vị trí thứ yếu trong vụ án.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án thì thấy: Bị cáo Trần Thị Thu H và Nguyễn Văn H2 đều có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, đều mới lần đầu phạm tội. Trong vụ án này bị cáo H2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Trần Thị Thu H có nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản giá trị từ 2.000.000đ trở lên nên chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Bị cáo H đã tự nguyện trả lại cho anh Lại Thế H3 số tiền 300.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra nên bị cáo H còn được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Gia đình bị cáo H2 có đơn đề nghị trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình, bị cáo H2 đang là lao động chính trong gia đình, đang phải nuôi hai con nhỏ ăn học, có ông nội là người có công với cách mạng, đơn đề nghị của gia đình bị cáo H2 có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo thực hiện hành vi đặt làm giả các loại giấy tờ theo yêu cầu, chỉ đạo của H với mục đích vì lợi nhuận trước mắt mà không nghĩ đến hậu quả xảy ra nên bị cáo H2 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên. Xét thấy, Trần Thị Thu H là người khởi xướng, thực hiện nhiều hành vi phạm tội khác nhau, Nguyễn Văn H2 là người thực hành tích cực, giúp sức cho H, hành vi của các bị cáo đã thực hiện đều là tội phạm nghiêm trọng. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo Trần Thị Thu H, Nguyễn Văn H2 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Do có vị trí, vai trò khác nhau nên khi quyết định hình phạt có thể cho bị cáo H ở mức hình phạt cao hơn bị cáo H2 là phù hợp pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo **H**, **H2** là lao động tự do, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo **H** và **H2** là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với các vật chứng, tài sản đã thu giữ trong quá trình điều tra gồm: Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DD331325 mang tên **Trần Thị Thu H**; Bản gốc hợp đồng thuê xe của 04 xe ô tô gồm: xe ô tô BKS: 18A-360.35, xe ô tô BKS18A-232.92; xe ô tô BKS: 18A-360.70, xe ô tô BKS: 18A-267.87; Hợp đồng mua bán xe ô tô BKS: 18A-360.35, giấy bán xe ô tô BKS: 18A-360.70, hợp đồng thỏa thuận cầm đồ xe ô tô BKS: 18A-267.87. Đây là những loại giấy tờ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đang được lưu trong hồ sơ của vụ án nên cần tiếp tục được lưu trữ trong hồ sơ của vụ án theo quy định của luật lưu trữ của Nhà nước. Đối với 04 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đều mang tên **H** là: chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 18001053 của xe ô tô BKS18A-232.92, chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 18001544 của xe ô tô BKS: 18A-360.35, chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 18 020895 của xe ô tô BKS: 18A-267.87, chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 18001380 của xe ô tô BKS: 18A-360.70 là vật chứng của vụ án mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và là những giấy tờ giả không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng là 04 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nêu ở trên. Đối với 04 xe ô tô BKS 18A-360.35, xe ô tô BKS 18A-232.92, xe ô tô BKS 18A-360.70, xe ô tô BKS: 18A-267.87. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại 04 xe ô tô này cho các chủ sở hữu hợp pháp theo quy định là phù hợp. Trong quá trình điều tra đã thu giữ của **Nguyễn Văn H2** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đỏ; thu giữ của **Trần Thị Thu H** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A10 màu xanh, các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tuyên tịch thu hoá giá để sung công quỹ của Nhà nước là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 300.000.000đ **Trần Thị Thu H** đã gian dối sử dụng giấy tờ giả để nhận cọc bán một thửa đất cho anh **Lại Thế H3**, sau đó anh **H3** phát hiện ra giấy tờ giả nên hai bên ngừng giao dịch, **H** đã tự nguyện trả lại anh **H3** nói trên. Đến nay giữa bị cáo **H** và anh **H3** không còn nợ nần gì với nhau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với hành vi của **H** đã sử dụng 04 giấy tờ là đăng ký xe ô tô giả bán và cầm cố 04 chiếc xe ô tô này cho chị **Nguyễn Thị L1** với số tiền 200.000.000 đồng, cho anh

Nguyễn Văn Đ2 với số tiền 250.000.000 đồng, cho anh Vũ Hoàng A với số tiền 250.000.000 đồng. Đến nay H vẫn chưa thanh toán trả lại số tiền trên cho chị L1, anh Đ2 và anh Hoàng A nên cần buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường thanh toán trả lại cho chị Nguyễn Thị L1 số tiền 200.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Đ2 số tiền 250.000.000 đồng, anh Vũ Hoàng A số tiền 250.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Đối với anh Nguyễn Văn P, anh Vũ Minh H6, anh Hoàng Thanh B, anh Trần Kỳ N là các chủ xe ô tô mà H thuê xe ô tô tự lái, đến nay anh P, anh H6, anh B, anh N đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trao trả nhận lại xe ô tô của mình còn nguyên vẹn, đến nay anh P, anh H6, anh B, anh N đều không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không cần đề cập giải quyết. Đối với số tiền 6.200.000đ bị cáo H2 đã thu lợi bất chính mà có, cần phải truy thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Trần Thị Thu H.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Nguyễn Văn H2.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Nguyễn Văn H2 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.1. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu H 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 19 (mười chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt.

1.2. Xử phạt Nguyễn Văn H2 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21-3-2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; Tuyên tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đỏ thu

giữ của Nguyễn Văn H2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10 màu xanh thu giữ của Trần Thị Thu H.

Tịch thu tiêu hủy 04 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đều mang tên H là: chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 18001053 của xe ô tô BKS18A-232.92, chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 18001544 của xe ô tô BKS: 18A-360.35, chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 18 020895 của xe ô tô BKS: 18A-267.87, chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 18001380 của xe ô tô BKS: 18A-360.70 được niêm phong trong 04 phong bì được niêm phong kín.

(Vật chứng đang được quản lý tại kho vật chứng của Cục thi hành án tỉnh Nam Định có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng số 24/80 ngày 30-7-2024 giữa Công an tỉnh N và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho cho chị Nguyễn Thị L1 số tiền 200.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Đ2 số tiền 250.000.000 đồng, anh Vũ Hoàng A số tiền 250.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H2 phải nộp lại số tiền 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) vào ngân sách của Nhà nước.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Thị Thu H, Nguyễn Văn H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thị Thu H phải nộp 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao; VKSND Cấp cao
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao; VKSND Cấp cao
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng